

\*  
Số *116* - NQ/TU

TP. Yên Bái, ngày *27* tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Yên Bái khóa XX**  
**về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024**

-----

Ngày 27/12/2023, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Yên Bái khoá XX đã tổ chức Hội nghị lần thứ 39. Tại hội nghị, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố đã thống nhất thông qua **87** chỉ tiêu chủ yếu năm 2024 trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá so sánh) đạt 20.300 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ 51,1%; Công nghiệp xây dựng 46%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 1,9%.

2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 20.500 tỷ đồng.

3. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 5.140 tỷ đồng.

4. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy đạt 540 tỷ đồng.

5. Tổng sản lượng thực có hạt đạt 3.150 tấn.

6. Tổng đàn gia súc chính đạt 28.000 con.

7. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 10.700 tấn.

8. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 160 triệu đồng.

9. Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 170 ha.

10. Duy trì 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

11. Xây dựng 6 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

12. Phát triển mới 19 sản phẩm OCOP.

13. Giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn đạt 158 triệu USD.

14. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 8.000 tỷ đồng.

15. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 1.510 tỷ đồng (trong đó: Thu ngân sách do các đơn vị của tỉnh thực hiện trên địa bàn thành phố đạt 584 tỷ đồng; Thu ngân sách do các đơn vị thành phố thực hiện đạt 926 tỷ đồng (Thu thuế, thu cân đối ngân sách đạt 526 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất 400 tỷ đồng (gồm: thu từ hợp pháp hóa: 100 tỷ đồng; thu từ tái định cư: 80 tỷ đồng; thu từ đấu giá đất: 220 tỷ đồng))).

16. Thành lập mới 100 doanh nghiệp.

17. Thành lập mới 07 hợp tác xã.



18. Thành lập mới 30 tổ hợp tác.
19. Số dự án được cấp quyết định chủ trương đầu tư 12 dự án.
20. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 8,2%.
21. Thu nhập bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng/năm.
22. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 80%.
23. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt 8,3 m<sup>2</sup>/người.
24. Trồng 10.000 cây xanh đô thị.
25. Số phường đạt chuẩn đô thị văn minh là 09 phường.
26. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính đạt 80,6%.
27. Tỷ lệ khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt 86%.
28. Mỗi xã, phường xây dựng 01 tuyến đường điện chiếu sáng ngõ xóm dài từ 200m trở lên.
29. Mỗi xã phường xây dựng tối thiểu 01 công trình phục vụ cộng đồng (khu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao...) có tổng mức đầu tư đối với phường tối thiểu 500 triệu đồng/công trình, xã tối thiểu 300 triệu đồng/công trình, trong đó vốn xã hội hóa từ 20% trở lên.
30. Tỷ lệ giấy phép xây dựng được kiểm tra, xử lý sau cấp phép đạt 70%.
31. Mỗi xã lắp đặt mới tối thiểu 10 bộ camera an ninh tuyến đường thôn; mỗi phường lắp đặt mới tối thiểu 15 bộ camera an ninh trên các tuyến đường tổ dân phố từ nguồn xã hội hóa, có kết nối với hệ thống theo dõi của công an xã, phường.
32. Tuổi thọ trung bình đạt 74,4 tuổi; số năm sống khỏe đạt 68,8 năm.
33. Chỉ số hạnh phúc đạt 80,5%.
34. Duy trì và nâng cao chất lượng 40 trường đạt chuẩn quốc gia.
35. Duy trì và nâng cao chất lượng PCGD tại 15 xã, phường trên địa bàn.
36. Số trường mầm non và phổ thông công lập đạt tiêu chí Trường học hạnh phúc trong năm đạt 35 trường.
37. Giải quyết việc làm và ổn định việc làm cho 3.410 lao động.
38. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 86,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 67%.
39. Tuyển mới đào tạo nghề 1.970 lao động.
40. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng lao động làm việc trong nền kinh tế đạt 3,3%.
41. Lao động chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt 320 người.
42. Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều so với năm trước (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025) đạt 0,34%; Mức tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,16%; Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm so với năm trước 0,18%; Phần đầu đến cuối năm 2024, 03 xã, phường Văn Phú, Minh Tân, Đồng Tâm không còn hộ nghèo.



43. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 99,5%.
44. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) là 4,3%.
45. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi) là 7,5%.
46. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.
47. Xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế đạt 5 xã, phường.
48. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa là 92,3%.
49. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa là 91,3%.
50. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa là 97%.
51. Tỷ lệ gia đình hạnh phúc đạt 91,5%.
52. Mỗi xã phường duy trì hoặc xây dựng ít nhất 01 mô hình hạnh phúc tiêu biểu trong năm 2024 để tổ chức ra mắt.
53. Số lượt khách du lịch đạt 160.000 lượt khách.
54. Doanh thu từ du lịch đạt 142 tỷ đồng.
55. Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 91%.
56. Tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
57. Tỷ lệ hộ dân cư dùng hố xí hợp vệ sinh đạt 100%.
58. Tỷ lệ thu gom rác thải rắn đô thị đạt 100%.
59. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn nông thôn đạt 90%.
60. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường được di dời, hoặc xử lý đạt 98,9%.
61. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh được kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các biện pháp xử lý môi trường đạt 98,9%.
62. Số tổ chức, cá nhân được tư vấn, hỗ trợ TTHC về đất đai là 2.900 tổ chức, cá nhân.
63. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn đạt 75%.
64. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 30,5%.
65. Hồ sơ công việc tại cấp thành phố được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 100%.
66. Hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 100%.
67. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 100%.
68. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến giao dịch TTHC đạt 30%.
69. Tỷ lệ hộ nộp thuế phi nông nghiệp bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt 65%.
70. Tỷ lệ nộp phí trước bạ xe máy, ô tô bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90%.



71. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 96%.
72. Tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt 84%.
73. Tỷ lệ doanh nghiệp có thiết bị thanh toán điện tử đạt 100%.
74. Tỷ lệ hộ kinh doanh bán lẻ có thiết bị thanh toán điện tử đạt 86%.
75. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được tập huấn, phổ biến kỹ năng số cơ bản đạt 85%.
76. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt đạt 85%.
77. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đạt 80,3%.
78. Tỷ lệ người dân dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh đạt 62%.
79. Tỷ lệ người dân được Quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 99,8%.
80. Số cơ sở giáo dục và đào tạo công lập triển khai mô hình trường học chuyên đổi số là 35 trường.
81. Số cơ sở giáo dục và đào tạo công lập triển khai thu học phí không dùng tiền mặt là 35 trường.
82. Kết nạp từ 150 đảng viên trở lên.
83. Thành lập mới 01 tổ chức đảng trong các doanh nghiệp và hợp tác xã.
84. Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt từ 90% trở lên.
85. Số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 85% trở lên.
86. Số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương đạt 50% trở lên.
87. Số cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương đạt từ 70% trở lên.

Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố giao cho Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND - Lãnh đạo UBND thành phố, các cấp ủy trực thuộc cụ thể hóa Nghị quyết của cấp ủy, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện để hoàn thành thắng lợi 87 chỉ tiêu năm 2024 đã được Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Các đ/c lãnh đạo, cán bộ phụ trách, theo dõi Đảng bộ thành phố (để b/c),
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ thành phố,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể thành phố,
- Lưu VP/TU.

**T/M THÀNH ỦY**

**BÍ THƯ**

*Đỗ Đức Minh*

**Đỗ Đức Minh**